

DOCAT

MỖI TUẦN MỘT ĐỀ TÀI - TUẦN 91.

NHỮNG GIỚI HẠN CỦA TÀI SẢN RIÊNG LÀ GÌ?



Trong đề tài tuần trước, chúng ta đã cùng nhau học hỏi về việc mỗi người có quyền sở hữu tài sản riêng. Đây là “quyền tự nhiên” của mỗi con người để có được những gì cần thiết hầu sống một cuộc sống xứng với nhân phẩm của mình. Tuy nhiên, vấn nạn được đặt ra là quyền tư hữu này mang tính tuyệt đối [không giới hạn] hay tương đối [có giới hạn]? Nếu có giới hạn, đâu là những giới hạn của quyền tư hữu? Trước vấn nạn được đặt ra, chúng ta đọc thấy những lời sau trong DOCAT:

Quyền tư hữu không bao giờ được xem như tuyệt đối. Đúng ra, bất kỳ ai sở hữu tài sản phải dùng nó theo cách phù hợp với ích lợi dành cho mọi người. Điều này đúng đối với tài sản công, ví dụ, đèn đường, và đèn tín hiệu giao thông, mà cũng áp dụng cho cả tài sản tư nhân, ví dụ, điện thoại di động. Tôi phải để người khác dùng điện thoại của mình, nếu người đó cần sự giúp đỡ và cần thực hiện một cuộc gọi khẩn cấp. Của cải riêng nên phải được dùng như một công cụ phục vụ cho việc quản lý tốt hơn tài nguyên của trái đất. Mỗi người phải cảm thấy có trách nhiệm đối với một số vật cụ thể. Nếu mọi người đều chịu trách nhiệm cho tất cả mọi thứ, thì trên thực tế, không ai thấy có trách nhiệm về bất cứ thứ gì cả. Quyền tư hữu không thể chiếm quyền ưu tiên trên công ích, vì theo nguyên tắc, mọi của cải đều phục vụ mọi người.

Trong câu trả lời của DOCAT, chúng ta có thể nhận ra hai điểm sau: (1) quyền tư hữu không phải là một quyền tuyệt đối, và (2) quyền tư hữu không thể chiếm quyền ưu tiên trên công ích. Chúng ta cùng nhau chia sẻ chi tiết hơn về hai điểm này.

Đầu tiên, quyền tư hữu không bao giờ được xem là quyền tuyệt đối: “Truyền thống Kitô giáo chưa bao giờ công nhận quyền tư hữu là quyền tuyệt đối và bất khả xâm phạm: “Ngược lại, truyền thống ấy luôn luôn hiểu quyền này trong khuôn khổ rộng lớn hơn là quyền của hết mọi người được sử dụng tài nguyên của toàn vũ trụ: quyền tư hữu phải lệ thuộc quyền sử dụng chung, lệ thuộc thực tế sau đây: của cải là nhằm phục vụ hết mọi người.”¹ Để hiểu rõ hơn điều này, chúng ta phải đặt vấn đề dưới ánh sáng của nhân học Kitô Giáo khi nói về nguồn gốc và bản tính xã hội của con người.

Khi nói đến nguồn gốc của con người, ai trong chúng ta cũng công nhận rằng mình không thể tự hiện hữu. Từ cái nhìn Kitô Giáo, mỗi người chúng ta được Thiên Chúa tạo dựng và đặt vào trong vũ trụ này để “cai quản” và “canh tác.” Chúng ta không phải là chủ nhân của vũ trụ và những gì trong đó. Chúng ta chỉ là những người “quản gia.” Giáo Hội dạy về điều này như sau: “Khi sử dụng của cải, con người phải coi của cải và chất mà mình sở hữu cách chính đáng không chỉ như của riêng mình, nhưng còn là của chung nữa: nghĩa là của cải đó có thể sinh ích không những cho riêng mình mà còn cho cả người khác nữa” (x. GS

¹ *Toát Yếu về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo*, số 177.

69,1). Người sở hữu mô-tại sản là người được Thiên Chúa quan phòng trao cho nhiệm vụ qua lý, để làm cho cuộc sống này sinh hoa lợi và thông phần lợi ích cho người khác, trước tiên là cho những người thân cận mình.”²

Thánh Phaolô có nói: “Quả vậy, chúng ta đã không mang gì vào trần gian, thì cũng chẳng mang gì ra được. Vậy nếu có cơm ăn áo mặc, ta hãy lấy thế làm đủ” (1 Tm 6:7-8). Như thế, chỉ một mình Thiên Chúa có quyền tuyệt đối trên mọi sự. Giáo huấn của Giáo Hội dạy về điều này như sau:

Nguyên tắc mục tiêu phổ quát của của cải là một cách khẳng định chủ quyền vĩnh viễn và trọn vẹn của Thiên Chúa trên mọi thực tại và yêu cầu phải luôn đặt của cải phục vụ sự phát triển toàn diện con người và toàn thể nhân loại. Nguyên tắc này không đi ngược quyền tư hữu nhưng chỉ cho chúng ta biết bốn phận phải điều hoà quyền ấy. Thật vậy, bất luận thi hành việc điều hoà và áp dụng các chuẩn mực pháp lý liên quan đến tư hữu dưới hình thức cụ thể nào, thì tư hữu tự nó vẫn chỉ là một công cụ giúp chúng ta tôn trọng nguyên tắc mục tiêu phổ quát của của cải; bởi đó, phân tích tới cùng, tư hữu không phải là mục tiêu mà chỉ là phương tiện.³

Những lời này cho thấy, trong ý định của Thiên Chúa, của cải trên mặt đất này được trao ban để con người có thể cùng nhau sử dụng hầu phát triển toàn diện bản thân mỗi người và toàn thể nhân loại. Liên quan đến điều này, chúng ta đọc thấy trong sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo những lời sau:

Từ khởi thủy, Thiên Chúa trao đi đất đai và các tài nguyên cho nhân loại chung sức qua lý, để con người chăm sóc, chế ngự chúng bằng lao động và hưởng dùng hoa trái của đất đai (x. St 1,26-29). Cuộc sống trong trần gian được dành cho toàn thể nhân loại. Tuy nhiên, để bảo đảm an toàn cho cuộc sống con người khỏi nghèo đói và bất an, Thiên Chúa chia trái đất thành nhiều phần. Cho con người quyền sở hữu của cải là chính đáng để bảo đảm tự do và phẩm giá con người, để mỗi người đáp ứng được các nhu cầu căn bản của họ và của những ai họ có trách nhiệm coi sóc. Quyền này cũng phải nói lên tình liên đới tự nhiên giữa người với người.⁴



Điểm thứ hai, quyền tư hữu không thể chiếm quyền ưu tiên trên công ích, được hiểu từ ánh sáng của bản chất con người là hữu thể có tính xã hội. Nói cách khác, tự bản chất, của cải được ban trong vũ trụ này bao gồm hai bình diện không thể tách rời, đó là bình diện cá nhân và bình diện xã hội. Hơn nữa, giáo huấn của Giáo Hội cũng chỉ ra rằng quyền tư hữu chỉ là một phương tiện chứ không phải là mục tiêu để con người

đạt đến. Ví dụ, tôi sở hữu một ngôi nhà là để tôi và những người được trao cho tôi chăm sóc ở. Ngôi nhà chỉ là phương tiện để trú mưa trú nắng chứ không phải là mục tiêu tôi đạt

² Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 2404.

³ Tóm Yếu về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo, số 177.

⁴ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 2402.

được rồi để đó không sử dụng cho bất kỳ điều gì. Quyền sở hữu ngôi nhà sẽ kết thúc khi tôi bán hoặc chuyển nhượng căn nhà cho người khác. Tôi không thể sở hữu một điều gì mãi mãi vì đến khi chết những gì thuộc quyền tư hữu của tôi cũng thuộc về người khác. Nhìn từ khía cạnh này, chúng ta thấy quyền tư hữu nhằm phục vụ con người, giúp con người có một cuộc sống xứng đáng với nhân phẩm đang khi còn sống trên cõi đời. Tuy nhiên, khi còn sống trên dương gian này, con người nhận ra rằng tự bản chất, mình là một hữu thể có tính xã hội nên con người không chỉ sống cho riêng mình mà còn sống cho và sống với người khác. Vì vậy, những gì chúng ta có không chỉ để phục vụ riêng cho nhu cầu của mình mà con để chia sẻ với những người mà chúng ta sống cho và sống với. Như thế, “quyền tư hữu của cá nhân làm ra hay nhân được một cách chính đáng, không huỷ bỏ việc Thiên Chúa đã ban đi và cầu cho toàn thể nhân loại ngay từ nguyên thủy. Quyền chung hưởng của cá nhân vẫn ưu tiên, cho dù sự thăng tiến công ích đòi phải tôn trọng tư sản, quyền tư hữu và việc hành sử quyền này.”⁵ Để đảm bảo điều này, “chính quyền có quyền và bổn phận điều tiết, việc hành sử chính đáng quyền sở hữu” (x. GS 71,4).⁶

Khi nói đến mối tương quan giữa công ích và quyền tư hữu, chúng ta cần lưu tâm đến mối tương quan giữa lao động và quyền tư hữu. Theo giáo huấn của Giáo Hội, ý nghĩa của công ích và quyền tư hữu chỉ được hiểu trong tương quan với lao động. Nói cách khác, qua lao động chân chính, con người đóng góp cho công ích và thực hiện quyền tư hữu của mình. Quyền tư hữu đạt được qua lao động chân chính là “phương tiện” mà qua đó người phát triển chính mình và người khác. Giáo huấn của Giáo Hội dạy chúng ta rằng: “Định chế tư hữu, quyền có tư hữu và quyền sử dụng tư hữu cũng là một cách biểu hiện mối tương quan giữa lao động và tư bản. Nhưng quyền tư hữu phải lệ thuộc nguyên tắc mục tiêu phổ quát của của cải, không được biến thành lý do để cản trở lao động của người khác và sự phát triển của người khác. Tài sản, đạt được trước hết nhờ lao động, phải được dùng để phục vụ việc lao động. Điều này đặc biệt đúng đối với việc sở hữu các phương tiện sản xuất, nhưng nguyên tắc này cũng áp dụng cho các tài sản thuộc thế giới tài chính, công nghệ, tri thức và nhân sự.”⁷ Những lời này chỉ ra rằng chúng ta không sử dụng quyền tư hữu để cản trở lao động của chính mình và người khác. Nói cách cụ thể, quyền tư hữu không làm cho con người “lười biếng” hoặc cản trở cũng như bóc lột sức lao động của người khác. Chúng ta thấy điều này trong đời sống thường ngày, khi một người sở hữu nhiều của cải vật chất cũng như phương tiện sản xuất, người đó sở hữu chỉ để sở hữu cũng như dành riêng các lợi nhuận cho riêng mình đến nỗi bóc lột sức lao động của người khác. Giáo Hội khẳng định rằng: “Các phương tiện sản xuất ‘không thể được sở hữu để chống lại lao động, cũng không thể được sở hữu chỉ để sở hữu.’ Việc sở hữu các phương tiện sản xuất trở thành bất chính khi tài sản ấy ‘không được sử dụng hay được sử dụng để cản trở việc lao động của người khác, tìm cách kiếm lời mà không phải nhờ mở rộng lao động và làm giàu cho xã hội, mà chỉ nhờ hạn chế sử dụng chúng hay nhờ khai thác cách bất hợp pháp, nhờ đầu cơ hay phá vỡ tình liên đới giữa những người lao động’.”⁸

Tóm lại, khi nói đến quyền tư hữu, Giáo Hội luôn đặt quyền này vào trong mối tương quan với giới răn yêu thương. Nói cách khác, quyền tư hữu phải được sử dụng theo ý Thiên Chúa, đó là để mỗi người sống xứng đáng với nhân phẩm của mình là được tạo dựng “theo hình ảnh và giống Thiên Chúa” (St 1:26). Quyền tư hữu thể hiện trọn vẹn ý nghĩa của nó khi được thực hiện cho những người nghèo và đau khổ. Giáo Hội dạy rằng: “Chính nhân của

⁵ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 2403.

⁶ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 2406.

⁷ Tóm Tắt về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo, số 282.

⁸ Tóm Tắt về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo, số 282.

những tư liệu sản xuất, vật chất hoặc phi vật chất, như đất đai hoặc cơ xưởng, những kỹ năng hay nghệ thuật, phải biết chăm lo để lợi tức của chúng đem lại lợi ích cho nhiều người hơn. Những người sở hữu các sản phẩm tiêu dùng, phải sử dụng chúng đúng chừng mực, dành phần tốt đẹp hơn cho người khác, người đau ốm, người nghèo khổ.”⁹



⁹ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 2405.